Nagakawa®

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2019

NGUYỄN THỊ HUYỀN THƯƠNG

BỀN

Sẻ chia là gắn kết

MỤC LỤC

1. Tổng quan về Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa 1

2. Tình hình hoạt động trong năm 2019 và kế hoạch năm 2020 2

3. Quản trị công ty 3

4. Quan hệ nhà đầu tư 4

5. Báo cáo phát triển bền vững 5

6. Báo cáo tài chính 6

1 Tổng quan về Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa

1. 1. Thông tin khái quát:

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA
Tên tiếng Anh:	NAGAKAWA GROUP JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	NAGAKAWA
Mã cổ phiếu:	NAG

LOGO:

Nagakawa®

Vốn điều lệ:	158.886.360.000 đồng
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	2500217389 cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 02 tháng 12 năm 2019
Địa chỉ:	Khu 9, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại:	(024) 3 873 568
Fax:	024) 3 873 569
Email:	banquanhecodong@nagakawa.com.vn
Website:	www.nagakawa.com.vn

1.2. Quá trình hình thành và phát triển:

2002

NĂM 2002

Công ty Liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập năm 2002 tại Tỉnh Vĩnh Phúc, tên giao dịch Nagakawa Viet Nam joint venture company.

2007

NĂM 2007

Công ty Liên doanh Nagakawa Việt Nam chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 UBND tỉnh Vĩnh Phúc; hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 21/03/2007.

2009

NĂM 2009

Ngày 22/09/2009 Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam chính thức niêm yết 10 triệu cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Đây là mốc son quan trọng đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của Nagakawa Việt Nam.

2010

NĂM 2010

Ngày 25/09/2010, Công ty cổ phần Nagakawa Việt Nam nhận được quyết định số 651/QĐ-SGDHN của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức năm 2009 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ.

2019

NĂM 2019

Năm 2019, Tập đoàn Nagakawa đã gia nhập "cuộc chơi 4.0" bằng việc bắt tay với những sàn thương mại điện tử lớn, đưa sản phẩm Nagakawa đến với đông đảo người tiêu dùng trên cả nước. Đồng thời vào ngày 06/11/2019, Tập đoàn Nagakawa chính thức ra mắt website bán hàng trực tuyến shop.nagakawa.com.vn với nhiều tính năng ưu việt.

2012

2017

NĂM 2012

Ngày 16/02/2012 Sở GDCK Hà Nội đã có quyết định số 70/QĐ-SGDHN chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 2.500.000 cổ phiếu phát hành theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 762/UBCK-GCN.

Ngày 31/8/2012 Sở GDCK Hà Nội đã có quyết định số 436/QĐ-SGDHN chấp thuận cho CTCP Nagakawa Việt Nam được niêm yết bổ sung 14.849.578 cổ phiếu.

NĂM 2017

Ngày 21/09/2017 kỷ niệm 15 năm thành lập Công ty, Nagakawa chính thức đầu tư vào ngành Gia dụng và chuyển đổi hình thức Công ty, trở thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa. Đây là bước thành công lớn, đánh dấu 15 năm hình thành và phát triển của Nagakawa.

CÁC THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

TOP 500 DOANH NGHIỆP

TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM 2019

- Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2019
- Top 10 thương hiệu vàng vì sức khoẻ người Việt năm 2019
- Cup vàng sản phẩm thương hiệu chất lượng cao và quyền sử dụng dấu hiệu 2018

Nagakawa®

- Top 10 Sản phẩm, thương hiệu chất lượng cao năm 2018
- Giải thưởng Thương hiệu gia đình tin dùng năm 2017
- Top 10 Thương hiệu tiêu biểu Châu Á – Thái Bình Dương năm 2017
- Và những giải thưởng cao quý khác...

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1. 3.1. Ngành nghề kinh doanh

Ngành hàng điện lạnh

Sản phẩm điện lạnh gia dụng | **Điều hòa không khí**

Ngành hàng gia dụng

Dệt may

Nhà thầu cơ điện lạnh (Các công trình sử dụng điều hòa)

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1. 3.1. Ngành nghề kinh doanh

- **Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng**
- **Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp**
- **Lắp đặt hệ thống điện**
- **Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí**

- **Lắp đặt hệ thống xây dựng khác**

  - Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng
  - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

- **Sản xuất thiết bị điện khác**

  - Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện

- **Kho bãi và lưu giữ hàng hóa**

  - Cho thuê kho bãi
  - Kho bãi và lưu trữ hàng hóa

- **Vận tải hàng hóa bằng đường bộ**

  - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng

Ngoài ra

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng
- Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh
- Mua bán kim loại và quặng kim loại
- Sản xuất hàng may mặc
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc
- Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép
- Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
- Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước

1.3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1.3.2. Địa bàn kinh doanh:

An Giang	**Đà Nẵng**	Hòa Bình	Quảng Ngãi	Hưng Yên
Bà Rịa - Vũng Tàu	Điện Biên	**TP. Hồ Chí Minh**	Quảng Ninh	Khánh Hòa
Bắc Kạn	Đồng Nai	Tuyên Quang	Quảng Trị	Lai Châu
Bắc Giang	Đồng Tháp	Nam Định	Sóc Trăng	Lào Cai
Bắc Ninh	Gia Lai	Nghệ An	Sơn La	Lạng Sơn
Bến Tre	Hà Giang	Ninh Bình	Tây Ninh	Lâm Đồng
Bình Dương	Hà Nam	Ninh Thuận	Thái Bình	Long An
Bình Định	**Hà Nội**	Phú Thọ	Thái Nguyên	Trà Vinh
Cà Mau	Hà Tĩnh	Phú Yên	Thanh Hóa	Yên Bái
Cao Bằng	Hải Dương	Quảng Bình	Thừa Thiên - Huế	Vĩnh Long
Cần Thơ (TP)	Hải Phòng	Quảng Nam	Vĩnh Phúc	

1.4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

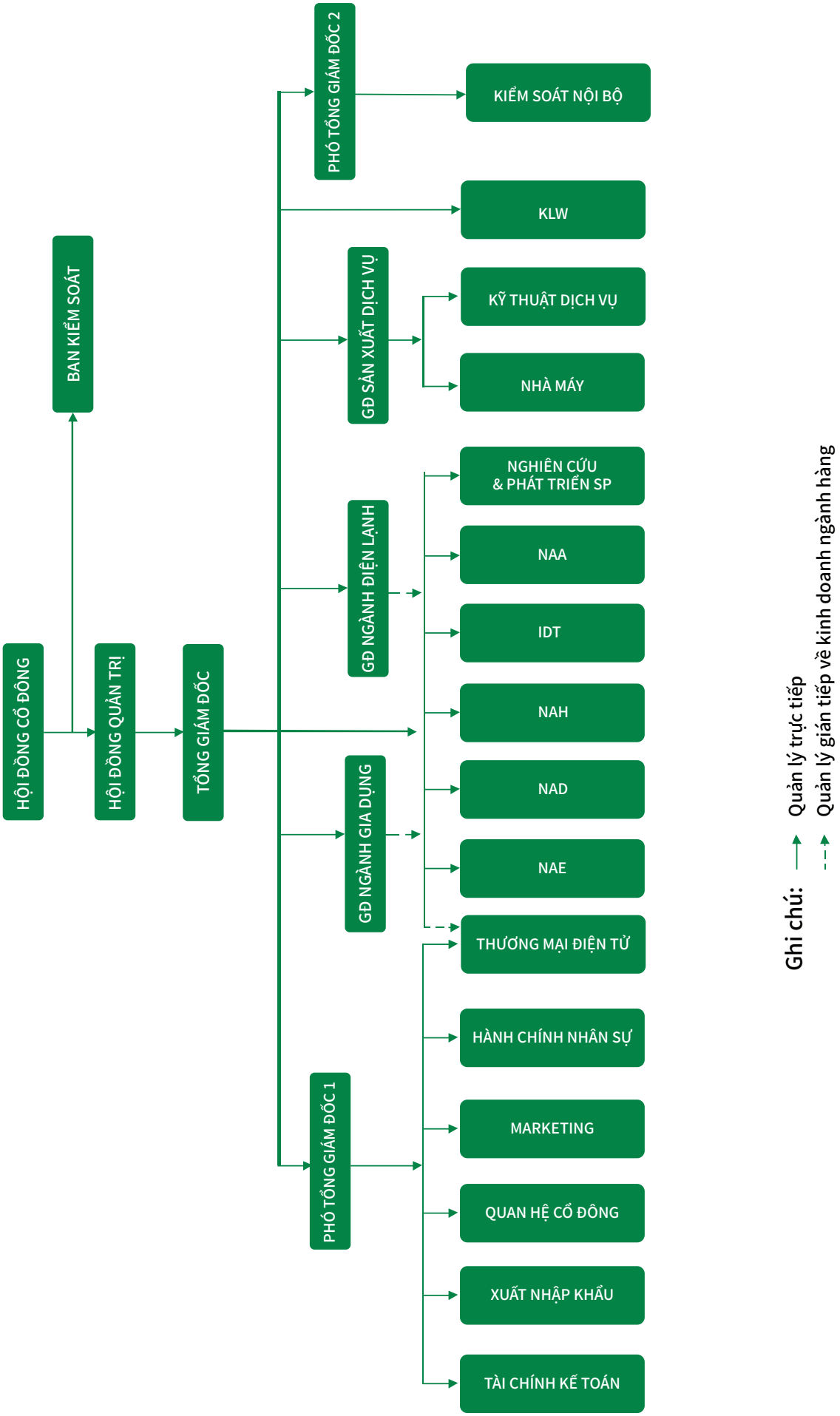

1.4.1. Các công ty con, công ty liên kết

1.4.1.1. Công ty con

Công ty CP Đầu tư & Phát triển Kỹ thuật Nagakawa

Tên viết tắt: Nagakawa – IDT
Địa chỉ đăng ký: Phúc Thắng - Phúc Yên - Vĩnh Phúc
Vốn điều lệ: 2.000.000.000 (Mười hai tỷ đồng)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 80% vốn điều lệ
- Các cổ đông khác sở hữu 20% vốn điều lệ

Ngành nghề : Tư vấn - Thiết kế - Thi công các công trình Cơ điện & Điều hòa không khí cho các công trình Dân dụng và Công nghiệp

Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh

Tên viết tắt: Nagakawa Hồ Chí Minh - NAH
Địa chỉ đăng ký: 25 Đoàn Thị Điểm, phường 1, Quận Phú Nhuận, Tp Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ: 9.700.000.000 (Chín tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 51% vốn điều lệ
- Các cổ đông khác sở hữu 49% vốn điều lệ

Ngành nghề: Cung cấp các sản phẩm điều hòa không khí, tủ đông, điện gia dụng

Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng

Tên viết tắt: Nagakawa Đà Nẵng - NAD
Địa chỉ đăng ký: 94 Nam Trân, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Vốn điều lệ: 5.000.000.000 (Năm tỷ đồng chẵn)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 52% vốn điều lệ
- Các cổ đông khác sở hữu 48% vốn điều lệ

Ngành nghề: Cung cấp các sản phẩm điều hòa không khí, tủ đông, điện gia dụng

Công ty Cổ phần Điện tử Nagakawa

Tên viết tắt: Nagakawa Điện tử - NAE
Địa chỉ đăng ký: Tầng 2, số 96 A, Định Công, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
Vốn điều lệ: 20.000.000.000 (Hai mươi tỷ đồng chẵn)
- Công ty CP Tập đoàn Nagakawa sở hữu 51% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 49% vốn điều lệ.

Ngành nghề: Cung cấp các sản phẩm gia dụng

1.4.1.1. Công ty liên kết

Công ty CP May KLW Việt Nam

Tên viết tắt: KLW Việt Nam
Địa chỉ đăng ký: Phúc Thắng - Phúc Yên - Vĩnh Phúc.
Vốn điều lệ: 25.000.000.000 (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn)
- Công ty CP Nagakawa Việt Nam sở hữu 48% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 52% vốn điều lệ.

Ngành nghề: Sản xuất hàng may sẵn, trang phục dệt kim, đan móc; hoàn thiện sản phẩm dệt

1.4.2 Giới thiệu Ban lãnh đạo

1.4.2.1. Thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2017 – 2022

Ông Nguyễn Đức Khả
CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Đức Khả
CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

• Ngày sinh:	02/12/1959
• Nơi sinh:	Lương Tài – Bắc Ninh
• Quốc tịch :	Việt Nam
• Dân tộc :	Kinh
• Địa chỉ thường trú :	Phương Liệt – Thanh Xuân – Hà Nội
• Trình độ chuyên môn :	Cử nhân
• Quá trình công tác :	+ Từ 1981 đến 1984: Sở Văn Hoá Hà Bắc + Từ 1984 đến 1992: Phòng Văn hoá huyện Gia Lương - Bắc Ninh + Từ 1993 đến 2000: Phó Giám đốc – Công ty XNK Bách Hoá Hà Nội + Từ 2001 đến 2002: Giám đốc Công ty TNHH Phát triển kinh tế Quốc tế Anh Vũ + Từ 2002 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Nagakawa
• Số cổ phần nắm giữ:	5.508.360 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT & PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

• Ngày sinh:	13/10/1983
• Nơi sinh:	Lương Tài – Bắc Ninh
• Quốc tịch :	Việt Nam
• Dân tộc :	Kinh
• Địa chỉ thường trú :	Nam Đồng – Đống Đa – Hà Nội
• Trình độ chuyên môn :	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
• Quá trình công tác :	+ Từ 2004 – 2006: Trưởng phòng HCNS Tập đoàn Nagakawa + Từ 2006 – 2008: Phó phòng Xuất nhập khẩu – Tập đoàn Nagakawa + Từ 2008 – 2010: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu – Tập đoàn Nagakawa + Từ 2010 - nay: Phó CT HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Nagakawa
• Số cổ phần nắm giữ:	650.135 cổ phần

Bà Nguyễn Thị Huyền Thương
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT & PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

1.4.2 Giới thiệu Ban lãnh đạo

1.4.2.1. Thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2017 – 2022

Bà Đào Thị Soi
THÀNH VIÊN HĐQT

Bà Đào Thị Soi THÀNH VIÊN HĐQT	
• Ngày sinh:	30/08/1960
• Nơi sinh:	Gia Bình – Bắc Ninh
• Quốc tịch :	Việt Nam
• Dân tộc :	Kinh
• Địa chỉ thường trú :	Phương Liệt –Thanh Xuân – Hà Nội
• Trình độ chuyên môn :	Cử nhân
• Quá trình công tác :	+ Từ 1981 – 1986 : Giáo viên trường THCS Trung Chính – Bắc Ninh + Từ 1987 – 2006 : Giáo viên trường THCS Hữu Hoà - Hà Nội + Từ 2007 – 2008 : Trưởng phòng QCC – Tập đoàn Nagakawa + Từ năm 2008 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Nagakawa
• Số cổ phần nắm giữ:	2.966.896 cổ phần (Công ty TNHH PT KT Quốc tế Anh Vũ)

Ông Nguyễn Ngọc Quý
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Nguyễn Ngọc Quý THÀNH VIÊN HĐQT	
• Ngày sinh:	22/02/1978
• Nơi sinh:	Bắc Ninh
• Quốc tịch :	Việt Nam
• Dân tộc :	Kinh
• Địa chỉ thường trú :	Tân Mai – Hoàng Mai – Hà Nội
• Trình độ chuyên môn :	Thạc sỹ
• Quá trình công tác :	+ Từ 2013 – nay: Giám đốc khối dự án – Tập đoàn Nagakawa + Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT – Tập đoàn Nagakawa
• Số cổ phần nắm giữ:	12.626 cổ phần

1.4.2 Giới thiệu Ban lãnh đạo

1.4.2.1. Thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2017 – 2022

Bà Trương Đào Hải Hà
THÀNH VIÊN HĐQT

Bà Trương Đào Hải Hà THÀNH VIÊN HĐQT	
• Ngày sinh:	12/10/1981
• Nơi sinh:	Thái Nguyên
• Quốc tịch :	Việt Nam
• Dân tộc :	Kinh
• Địa chỉ thường trú :	Hoàng Văn Thụ – Hoàng Mai – Hà Nội
• Trình độ chuyên môn :	Thạc sỹ
• Quá trình công tác :	+ Từ 2013 – 2015: Kế toán - CTCP Nagakawa Việt Nam + 2015 – nay: Kế toán trưởng CTCP May KLW Việt Nam + Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT Tập đoàn Nagakawa
• Số cổ phần nắm giữ:	0 cổ phần

1.4.2.2. Nhân sự chủ chốt

Bà Huy Thị Dung
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Huy Thị Dung KẾ TOÁN TRƯỞNG	
• Ngày sinh:	01/06/1979
• Nơi sinh:	Hoài Đức – Hà Nội
• Quốc tịch :	Việt Nam
• Dân tộc :	Kinh
• Địa chỉ thường trú :	KĐT Xa La – Hà Đông – Hà Nội
• Trình độ chuyên môn :	Cử nhân
• Quá trình công tác :	+ Từ 2002 - 2005: Kế toán trưởng - CTCP Lucky Star + Từ 2006 - 2007: Kế toán trưởng – Tập đoàn Nagakawa + Từ 2008 – 2010: Kế toán trưởng - Tập đoàn Nagakawa Chi nhánh Hà Nội + Từ 2010 – nay: Kế toán trưởng – Tập đoàn Nagakawa
• Số cổ phần nắm giữ:	3.941 cổ phần

1.4.2 Giới thiệu Ban lãnh đạo

1.4.2.3. Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2017 - 2022

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

• **Ngày sinh:**	10/08/1977
• **Nơi sinh:**	Hà Nội
• **Quốc tịch :**	Việt Nam
• **Dân tộc :**	Kinh
• **Địa chỉ thường trú:**	Hai Bà Trưng – Hà Nội
• **Trình độ chuyên môn :**	Cử nhân
• **Quá trình công tác :**	+ Từ 2001 - 2003 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Media + Từ 2003 - 2006: Trưởng phòng sản xuất - Tập đoàn Nagakawa + Từ 2007 – 2013: Giám đốc nhà máy – Tập đoàn Nagakawa + Từ 2014 - nay: Phó Giám đốc CT CP May KLW Việt Nam
• **Số cổ phần nắm giữ:**	0 cổ phần

Bà Vũ Thị Hải Yến
TV BAN KIỂM SOÁT

• **Ngày sinh:**	13/11/1983
• **Nơi sinh:**	Bắc Ninh
• **Quốc tịch :**	Việt Nam
• **Dân tộc :**	Kinh
• **Địa chỉ thường trú:**	Võ Cường – TP Bắc Ninh
• **Trình độ chuyên môn :**	Cử nhân
• **Quá trình công tác :**	+ Từ 2005 - 2006: Kế toán tại công ty TNHH TM Tùng Chi + Từ 2006 - 2013: Kế toán giá thành tại CTCP Nagakavva Việt Nam + Từ 2015 đến nay: Kế toán tổng hợp tại công ty TNHH MTV Taxi Hà Nội Bắc Ninh
• **Số cổ phần nắm giữ:**	0 cổ phần.

Ông Vũ Tiến Thành
TV BAN KIỂM SOÁT

• **Ngày sinh:**	17/08/1989
• **Nơi sinh:**	Bắc Ninh
• **Quốc tịch :**	Việt Nam
• **Dân tộc :**	Kinh
• **Địa chỉ thường trú:**	Lương Tài – Bắc Ninh
• **Trình độ chuyên môn :**	Cử nhân
• **Quá trình công tác :**	+ Từ 2011 - 2014: Kỹ sư điện lạnh – Tập đoàn Nagakawa + Từ 2014 - nay: Trưởng phòng KTDV – Tập đoàn Nagakawa.
• **Số cổ phần nắm giữ:**	0 cổ phần.

1.5. Thông tin vốn và cổ đông

1.5.1. Thông tin vốn cổ phần

Vốn điều lệ của Công ty	158.886.360.000 VNĐ
Khối lượng cổ phiếu đã phát hành	15.888.360 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Phổ thông
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.888.358 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	02 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VNĐ

1.5.2. Cơ cấu cổ đông

Cổ đông nước ngoài	16
Cổ đông trong nước	1.061

1.6. Định hướng phát triển Tập đoàn Nagakawa

ĐỊNH HƯỚNG:

Mục tiêu của Tập đoàn Nagakawa đến năm 2022 là tiếp tục mở rộng thị phần và đầu tư, đảm bảo tăng trưởng thị phần từ 9-10% đối với sản phẩm Điều hòa không khí, phát triển ngành hàng gia dụng trở thành một trong 3 thương hiệu gia dụng Việt lớn nhất trên thị trường; củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

THUẬN LỢI:

- Năm 2019, GDP Việt Nam tăng 7,02%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7%.

- Năm 2019 Việt Nam đã thực sự hội nhập sâu rộng với thế giới với viêc ký kết 4 hiệp định thương mại với các đối tác bao gồm: Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu EU (EVFTA), Hiệp định Thương mại hàng hóa giữa ASEAN và Hong Kong (AHKFTA), Hiệp định Thương mại Việt Nam - CuBa, và Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Việt Nam - Campuchia.

1.6. Định hướng phát triển Tập đoàn Nagakawa

THUẬN LỢI:

- Nhờ những chính sách cạnh tranh đúng đắn và chiến lược Marketing phù hợp, cùng những nỗ lực không ngừng nghỉ của đội ngũ CBCNV công ty, năm 2019, chúng ta tiếp tục đón nhận tình cảm và niềm tin của người tiêu dùng Việt, sản phẩm mang thương hiệu Nagakawa được khách hàng tin tưởng và lựa chọn.

- Mở rộng thị phần ngành dệt may, gia dụng và phát triển kênh bán hàng hiện đại - Thương mại điện tử, tạo điều kiện để gia tăng doanh số và lợi nhuận các tháng tiếp theo của năm 2020.

THÁCH THỨC:

- Giống như nhiều doanh nghiệp khác, khó khăn lớn nhất trong năm 2020 của Nagakawa là sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 trên toàn thế giới, hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ đang gồng mình chống lại sự bùng phát của dịch bệnh. Tính đến trung tuần tháng 4 năm 2020 thế giới đã có hơn 1,6 triệu người nhiễm, gần 100.000 người tử vong, virus trở thành nỗi ám ảnh của hơn 6 tỷ người trên thế giới, hàng triệu doanh nghiệp phá sản hoặc dừng hoạt đông, hàng trăm triệu lao động mất việc làm, hơn 3 tỷ người buộc phải thực hiện giãn cách xã hội. Dịch bệnh Covid-19 trở thành cuộc khủng khủng hoảng lớn nhất, tồi tệ nhất của kinh tế thế giới kể từ sau Đại chiến thế giới thứ II.

- Dịch bệnh có tác động tiêu cực đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tập đoàn Nagakawa là đơn vị bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch bệnh, chuỗi cung ứng hàng hóa bị đứt gãy, kinh tế suy thoái dẫn đến tâm lý và nhu cầu tiêu dùng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Khó khăn nhất với Nagakawa là sản phẩm điện lạnh, gia dụng – 2 ngành sản xuất kinh doanh hàng chủ lực của Nagakawa lại không phải là mặt hàng ưu tiên đặc biệt của người tiêu dùng trong giai đoạn kinh tế khó khăn này.

- Việc gia nhập các tổ chức kinh tế trong khu vực và thế giới mang lại cho các doanh nghiệp Việt Nam những cơ hội vô cùng to lớn, nhưng cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho nền kinh tế Việt Nam. Mặc dù có nhiều thuận lợi ủng hộ ngành điện lạnh, gia dụng phát triển, nhưng chúng ta cũng không được chủ quan với những cảnh báo thách thức sau:

- Sự lên giá của đồng USD, trong khi đó, đồng Việt Nam hiện vẫn đang được neo giữ với USD sẽ có xu hướng tăng giá thực so với các đồng tiền còn lại cùng với tình hình lạm phát có dấu hiệu tăng trong những tháng cuối năm. Điều này dẫn tới việc Chính phủ có thể áp dụng chính sách tiền tệ thắt chặt thông qua việt tăng lãi suất cho vay, làm tăng chi phí tài chính cho doanh nghiệp.

- Cuộc chiến thương mại Mỹ Trung diễn ra ngày càng sâu sắc, Đồng Nhân dân tệ mất giá so với đồng VND sẽ thúc đẩy hàng hóa Trung Quốc tràn về Việt Nam với cường độ lớn hơn, nhập siêu từ Trung Quốc theo đó nhiều khả năng sẽ trầm trọng hơn.

- Tình hình chính sự khu vực Trung Đông nhiều bất ổn, khiến cho giá dầu trong năm 2019 có diễn biến phức tạp, khó dự đoán do ảnh hưởng từ nguồn cung dầu cũng như tình hình chính trị phức tạp trên thế giới.

- Thời tiết đang diễn biến phức tạp, không theo quy luật nên khó dự báo trước, nắng hạn ở miền Tây và Tây Nguyên lan sang cả miền Trung, ngập mặn đã làm cho nhiều tỉnh mất mùa, ảnh hưởng nặng nề đến chi tiêu và xu hướng tiêu dùng của người dân.

- Đầu tư nước ngoài tăng nhanh nên lao động ngày càng khó khăn, tiền lương, công tăng làm cho giá thành tăng cao. Và hội nhập sâu đã làm cho cạnh tranh ngày càng trở nên khốc liệt hơn bao giờ hết, giá bán giảm làm cho lợi nhuận giảm.

Khi Việt Nam tham gia ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA), Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều những khó khăn, thách thức như:

+ Khi thị trường mở rộng, các công ty của nước ngoài cũng sẽ có những cơ hội thuận lợi để thâm nhập thị trường trong nước. Đặt trên cán cân, rõ ràng các doanh nghiệp nước ngoài có lợi thế nguồn lực như vốn, trình độ sản xuất và quản lý, kinh nghiệm thương trường lớn mạnh hơn nhiều so với các doanh nghiệp trong nước. Điều này đặt doanh nghiệp Việt Nam trước nguy cơ không đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài, dễ bị cạnh tranh, khó phát triển.

+ Về vấn đề rào cản kỹ thuật và yêu cầu về xuất xứ hàng hóa nghiêm ngặt. Đối với các FTA Việt Nam mới ký kết, gia nhập gần đây thì các quy tắc xuất xứ đều theo xu hướng là gia tăng giá trị tại Việt Nam trong khu vực các nước tham gia FTA.

+ Ngành công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics ở Việt Nam chưa phát triển mạnh nên chí phí của nền kinh tế sẽ còn cao so với các quốc gia khác.

- Có thể nói: Giống như nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam, năm 2020 hoạt động của Tập đoàn Nagakawa phải gánh chịu ảnh hưởng nặng nề bởi tình hình dịch bệnh, các biến động của nền kinh tế thế giới và Việt Nam cũng như thị trường tài chính tiền tệ. Những diễn biến bất lợi có thể dẫn đến suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động tỷ giá, thắt chặt tín dụng. Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, Tập đoàn Nagakawa chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, củng cố nội lực tài chính đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng, nhà cung cấp của Công ty. Tiếp tục nghiên cứu và cho ra đời những dòng sản phẩm phù hợp với xu thế và nhu cầu của người tiêu dùng.

1.6. Định hướng phát triển Tập đoàn Nagakawa

1.6.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tiếp tục với những định hướng phát triển trong kế hoạch 5 năm 2017 – 2022, đưa Tập đoàn Nagakawa vào top 3 ngành Gia dụng tại Việt Nam. Việc gia nhập thị trường gia dụng thể hiện cam kết của Nagakawa vào việc phát triển và áp dụng những công nghệ tiên tiến để tạo ra những sản phẩm mới có giá trị cao phù hợp với thị trường Việt Nam và tâm lý tiêu dùng của người Việt. Năm 2019 Tập đoàn Nagakawa đã đưa ra thị trường dòng sản phẩm Nồi cơm điện tách đường với những tính năng ưu việt, nhận được sự tin tưởng của người tiêu dùng, đưa thương hiệu Gia dụng Nagakawa đến gần hơn với khách hàng.

- Ngành hàng Gia dụng Nagakawa tiếp tục đưa ra thị trường bộ sản phẩm Thiết bị nhà bếp nằm trong phân khúc sản phẩm cao cấp, với hàm lượng công nghệ cao, thiết kế hiện đại... Bộ sản phẩm mới này hi vọng sẽ làm thay đổi bộ mặt của ngành Gia dụng Nagakawa trong thời gian tới.

- Ngành hàng gia dụng cũng ra mắt dòng sản phẩm máy nước nóng với công nghệ Heatpump, thích hợp với các tòa nhà lớn như khách sạn, nhà hàng với tỉ lệ tiết kiệm điện năng lên tới 75%.

- Đối với dòng sản phẩm truyền thống Điều hòa không khí: ưu tiên cho công tác phát triển sản phẩm mới chất lượng cao, tích hợp nhiều tính năng ưu việt, đặc biệt sử dụng môi chất gas R410A đáp ứng nhu cầu khắt khe của người tiêu dùng và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường Việt Nam, nâng cấp và bổ sung nhiều tính năng cho dòng sản phẩm điều hòa:

• Điều hòa không khí R2T02, R2H06, M05... sử dụng môi chất R32 thân thiện môi trường.

• Điều hòa Inverter thế hệ mới sử dụng môi chất R32 thân thiện môi trường

• Điều hòa không khí TL

• Điều hòa Inverter thế hệ mới

• Tiếp tục hoàn thiện các các dòng điều hoà công nghiệp VRF thế hệ mới cung cấp cho cho các công trình hiện đại, kết nối được với hệ thống BMF Toà nhà thông minh và đặc biệt đáng chú ý là dòng sản phẩm điều hòa Nagakawa Multi DC Inverter một mẹ 5 con,

- Đẩy mạnh hoạt động Marketing nhằm giới thiệu sản phẩm mới tới người tiêu dùng cả nước, cụ thể là:

• Kiện toàn phòng Marketing với nhiều nhân sự chất lượng cao để có thể đưa ra các chính sách marketing sáng tạo, đổi mới và hiệu quả.

• Tăng cường các hoạt động Marketing trên kênh truyền thống: hỗ trợ công tác bán hàng cho các đại lý với biển bảng, in ấn thiết kế phù hợp cửa hàng; truyền thông rộng rãi trên kênh truyền hình, Internet, mạng xã hội. Đồng thời tăng cường các hoạt động xã hội như tài trợ chương trình Nghệ thuật giải trí, giải Golf, giải chạy, bóng đá... giúp quảng bá hình ảnh và đưa thông tin tới đông đảo khách hàng, bao phủ thị trường trên diện rộng.

• Năm 2019 Nagakawa đã triển khai chương trình thẻ hội viên Nagakawa Plus với nhiều chính sách và ưu đãi hỗ trợ cho các khách hàng thân thiết của Nagakawa. Công tác chăm sóc khách hàng được nâng lên một tầm cao mới.

1.6. Định hướng phát triển Tập đoàn Nagakawa

1.6.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Trước sự phát triển như vũ bão của thị trường mua sắm trực tuyến, Tập đoàn Nagakawa đã gia nhập "cuộc chơi 4.0" bằng việc bắt tay với những sàn thương mại điện tử lớn, đưa sản phẩm Nagakawa đến với đông đảo người tiêu dùng trên cả nước. Đồng thời, vào ngày 06/11/2019, Tập đoàn chính thức trình làng website bán hàng trực tuyến hiện đại shop.nagakawa.com.vn với nhiều tính năng ưu việt, sẽ đem lại trải nghiệm mua hàng chính hãng tốt nhất cho khách hàng.

- Tiếp tục nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng cả trước, trong và sau bán hàng. Đưa ra nhiều hơn nữa hoạt động chăm sóc khách hàng, đảm bảo quyền lợi cho người tiêu dùng. Đầu tư nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên phục vụ khách hàng 24/24h.

- Tập đoàn Nagakawa đã ứng dụng phần mềm quản lý kho hàng và phần mềm bảo hành điện tử vào hoạt động kinh doanh. Giải pháp bảo hành điện tử hỗ trợ quản lý bảo hành tập trung từ Nagakawa đến các Trung tâm bảo hành ủy quyền bằng các chức năng kích hoạt bảo hành, sửa chữa bảo hành và ứng dụng bảo hành điện tử giúp nâng cao chất lượng dịch vụ bảo hành, tăng sức cạnh tranh.

- Bên cạnh đó là việc đẩy mạnh các chương trình bán hàng hấp dẫn, chính sách bán hàng tối ưu hỗ trợ các nhà phân phối, đại lý có điều kiện thuận lợi nhất để bán hàng được tốt hơn.

- Phát huy thế mạnh, tận dụng lợi thế cạnh tranh của thương hiệu Nagakawa. Xây dựng Nagakawa IDT trở thành một nhà thầu uy tín tại Việt Nam. Ưu tiên đầu tư cho mảng dự án nhằm gia tăng uy tín thương hiệu cũng như doanh số, lợi nhuận cho công ty.

- Tiếp tục đầu tư phát triển lĩnh vực Dệt may, đón đầu những thuận lợi từ Hội nhập kinh tế quốc tế, nắm bắt cơ hội kinh doanh mới đầy triển vọng.

1.6.2. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tiếp tục phấn đấu, cải tiến chất lượng, ứng dụng công nghệ xanh, kỹ thuật tiên tiến, thân thiện với môi trường trong các hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc và đời sống cho cán bộ công nhân viên, khuyến khích cán bộ công nhân viên cùng tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội của công ty, cùng công ty phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh trên toàn cầu, Tập đoàn Nagakawa đã đưa ra thị trường sản phẩm khẩu trang vải kháng khẩn, góp phần bình ổn giá cả và cùng cả nước đẩy lùi dịch bệnh.

1.7. Các rủi ro

Rủi ro thương mại và tài chính

- Việt Nam có hàng trăm nhãn hàng Điều hòa – Gia dụng trong và ngoài nước ở các phân khúc khác nhau, thị trường cạnh tranh vô cùng khốc liệt, các nhãn hàng liên tục đưa ra những chính sách bán hàng cạnh tranh

- Trong hoạt động dự án công trình, rủi ro nằm ở thời gian công trình thi công chậm, khả năng tài chính dự án giới hạn; đối với mảng kinh doanh là hoạt động thu hồi nợ phải thu khách hàng

- Rủi ro tài chính liên quan đến khả năng kinh doanh hiệu quả với chính sách giá bán sản phẩm, dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ giá thành, chi phí bộ máy, chi phí tài chính trong bối cảnh thị trường cạnh tranh vô cùng khốc liệt.

- Với một nhà sản xuất và phân phối các sản phẩm Điện lạnh và Gia dụng như Nagakawa, năm 2020 còn bị ảnh hưởng nặng nề từ dịch bệnh Covid-19. Để phòng chống dịch bệnh, Chính phủ Việt Nam đã có chỉ thị "Cách ly xã hội" trong nhiều ngày, điều này đã làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Dịch bệnh khiến cho nhiều khách hàng không thể tiếp tục kinh doanh, phải đóng cửa hàng, việc lưu thông hàng hóa cũng trở nên khó khăn, dẫn đến tình trạng khách hàng thanh toán chậm thậm chí có một số đối tác còn mất khả năng thanh toán.

Rủi ro môi trường pháp lý

Những thay đổi về môi trường pháp lý trong các lĩnh vực về luật thuế, hải quan, môi trường, lao động, tiền lương, chứng khoán yêu cầu Công ty luôn phải cập nhật và đánh giá tác động đến các hoạt động sản xuất kinh doanh.

2 Tình hình hoạt động trong năm 2019 và kế hoạch năm 2020

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

2.1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN 2019	TỶ LỆ HOÀN THÀNH / KẾ HOẠCH 2019	THỰC HIỆN 2018	TỶ LỆ THỰC HIỆN 2019/2018
1	**Doanh thu:**	860,000,000,000	1,041,209,555,889	121,07%	767,829,725,239	135,60%
2	**Lợi nhuận sau thuế:**	12,000,000,000	12,041,525,919	100,35%	10,121,802,052	118,97%

Nhìn lại kết quả hoạt động năm 2019, chúng ta thấy được:

- Năm 2019, Tập đoàn Nagakawa đạt 1.041 tỷ đồng doanh thu bán hàng, tăng 35% so với năm 2018, vượt 21% so với kế hoạch đặt ra. Quy mô doanh thu gấp đôi sau 2 năm (từ năm 2017). Đây là kết quả vượt bậc từ sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo Công ty sau khi mở rộng thêm mặt hàng kinh doanh điện gia dụng. Đối với mặt hàng chủ lực điều hòa không khí tiếp tục được đầu tư phát triển sản phẩm, nhiều model mới được ra đời và đây là mặt hàng chiếm 70% doanh thu của Công ty. Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu trong 5 năm gần đây như sau :

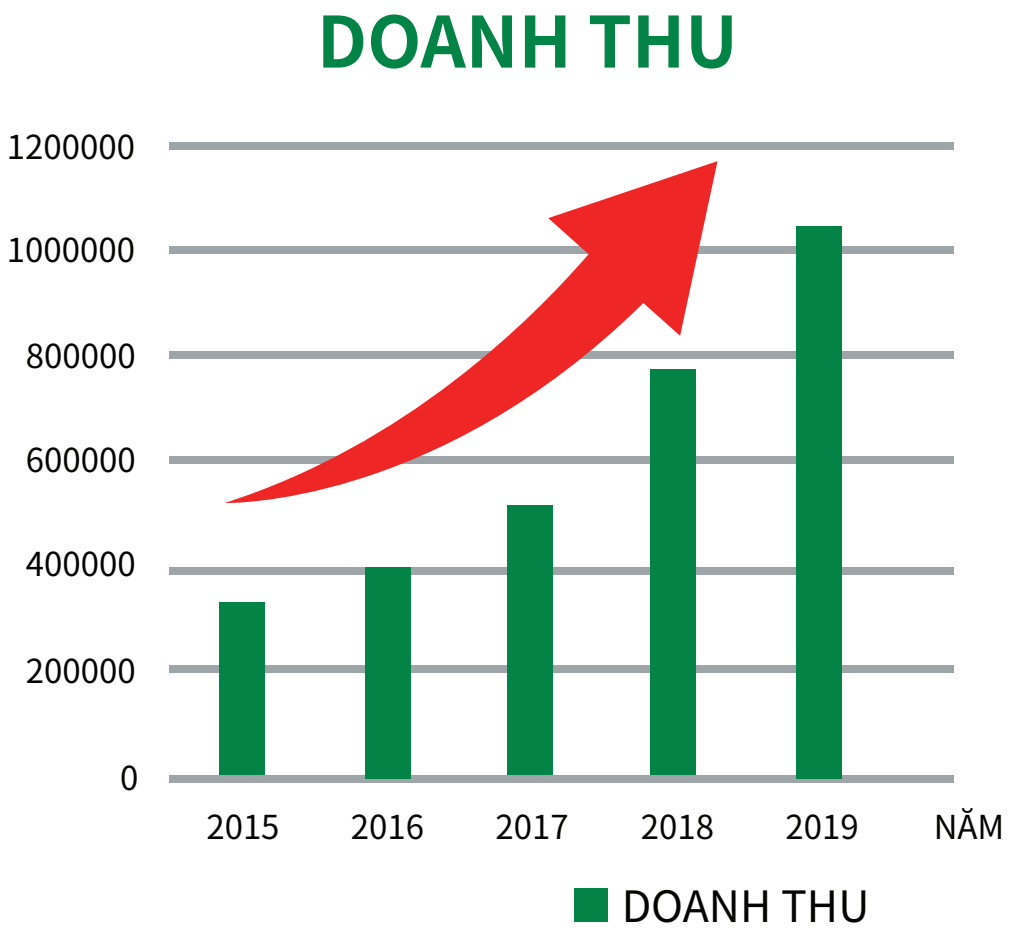

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

2.1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

- Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 19% so với năm 2018, hoàn thành 100,4% kế hoạch, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 8% cho thấy công tác quản lý vốn đang ở mức an toàn. Trong năm 2018-2019 khi vừa gia nhập thị trường gia dụng với bối cảnh cạnh tranh khốc liệt của ngành hàng, để chiếm lĩnh thị phần bán hàng, công ty đã đầu tư chi phí bán hàng, tăng điểm bán lên đến 3.000 điểm. Mặc dù năm 2018-2019 lợi nhuận thấp hơn năm 2017 nhưng công ty đã xác định đây là các chi phí đầu tư để thâm nhập thị trường và sẽ mang lại lợi nhuận cho các năm tiếp theo.

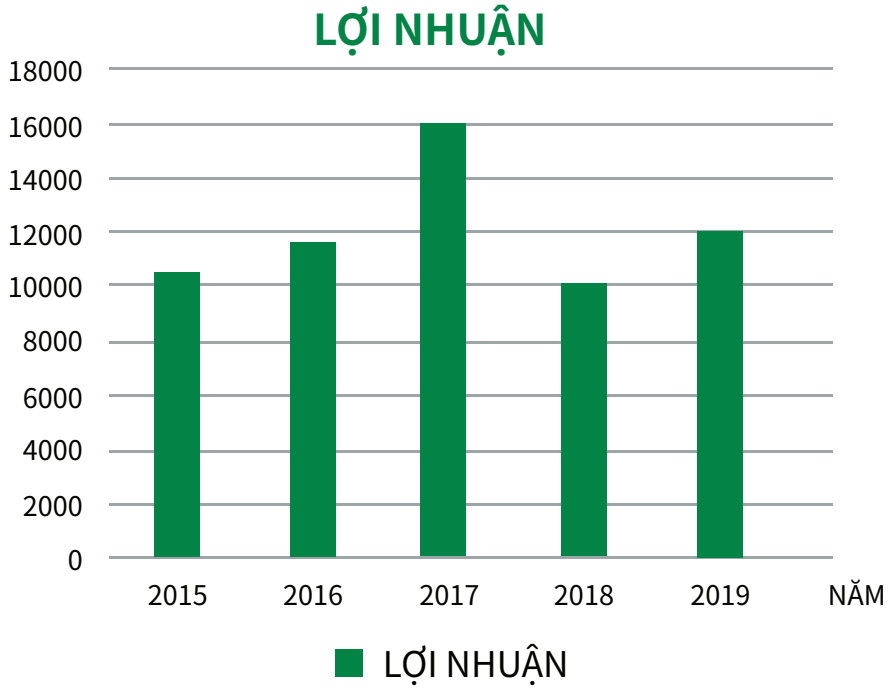

- Quy mô tài sản tăng mạnh, năm 2018-2019 tổng tài sản tăng 70% so với năm 2017, trong đó, tăng tập trung tại tài sản ngắn hạn. Tài sản ngắn hạn tăng từ 312 tỷ đồng năm 2017 lên 554 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2018 và 583 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2019. Sự tăng trưởng trên cho thấy Tập đoàn đang trong quá trình tập trung tài sản cho công tác bán hàng nhanh thu hồi ngay vốn. Với phương châm quản lý vốn an toàn, tập trung bán và thu hồi công nợ có tính thanh khoản tốt, hầu hết các khách hàng đều có kỳ thu tiền nằm trong quy định. Chi tiết các khoản mục tài sản ngắn hạn và dài hạn tăng trưởng qua các năm như sau :

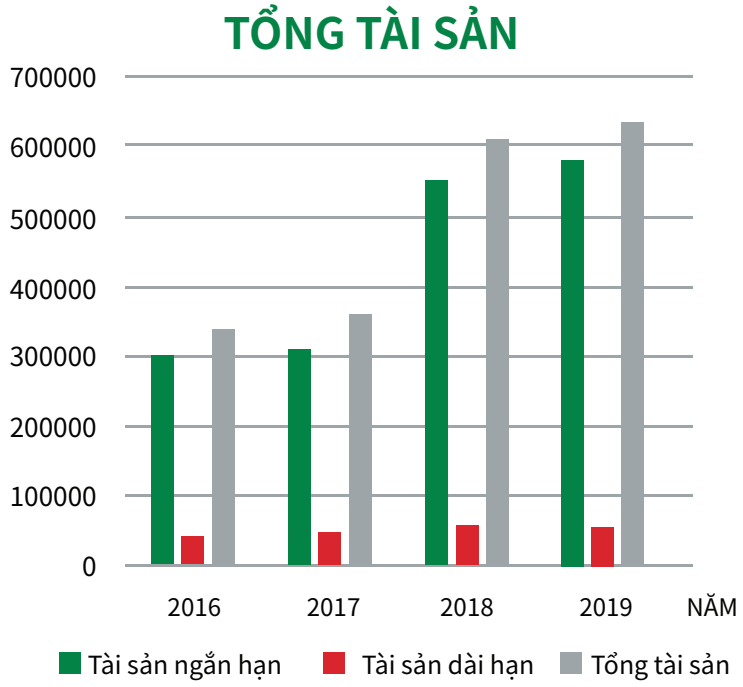

2.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

2.1.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết

- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Kỹ thuật Nagakawa (IDT)

IDT là công ty chuyên lắp đặt hệ thống điều hòa công trình dân dụng, công nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	39,909,991,907	39,256,192,827	-1.64%
Doanh thu thuần	24,202,593,052	31,393,419,604	29,7%
Lợi nhuận từ HĐKD	131,726,635	287,272,314	118%
Lợi nhuận khác	2,590,448	(205,659,164)	
Lợi nhuận trước thuế	134,317,083	81,613,150	
Lợi nhuận sau thuế	107,862,565	2,671,355	

- Công ty Cổ phần Nagakawa Đà Nẵng

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	27,404,991,530	32,036,503,824	17%
Doanh thu thuần	48,093,675,272	81,272,018,365	69%
Lợi nhuận từ HĐKD	131,647,204	560,343,160	326%
Lợi nhuận khác	45,773,661	(145,752,486)	
Lợi nhuận trước thuế	177,420,865	414,590,671	
Lợi nhuận sau thuế	139,291,424	103,683,001	

- Công ty Cổ phần Nagakawa thành phố Hồ Chí Minh

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	49,428,048,833	80,986,430,619	63,8%
Doanh thu thuần	64,663,254,541	134,265,207,901	107,6%
Lợi nhuận từ HĐKD	(4,853,608,116)	(5,011,071,950)	3,2%
Lợi nhuận khác	49,769,825	(380,199)	
Lợi nhuận trước thuế	(4,803,838,291)	(5,011,452,149)	
Lợi nhuận sau thuế	(4,803,838,291)	(5,011,452,149)	

- Công ty Cổ phần May KLW Việt Nam

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	53,865,809,493	53.643.945.536	0,4%
Doanh thu thuần	103,510,575,528	95.007.168.426	8,2%
Lợi nhuận từ HĐKD	3,910,645,724	2.624.580.669	-32,9%
Lợi nhuận khác	(273,594,794)	(252.710.894)	
Lợi nhuận trước thuế	3,637,050,930	2.371.869.775	
Lợi nhuận sau thuế	3,637,050,930	2.371.869.775	

2.2. Tình hình tài chính của Tổng công ty

2.2.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	613.801.111.355	639.312.471.434	4,16%
Doanh thu thuần	762.373.818.309	1.021.046.946.871	33,93%
Lợi nhuận từ HĐKD	12.862.607.855	14.483.323.168	12,60%
Lợi nhuận khác	1.042.363.049	1.379.047.072	32,30%
Lợi nhuận trước thuế	13.904.970.904	15.862.370.240	14,08%
Lợi nhuận sau thuế	10.121.802.052	12.041.525.919	18,97%

2.2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,35	1,37
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,65	0,66

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,673	0,667
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	2,058	2,004

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,113	2,997
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,242	1,597

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,016	0,019
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,013	0,012
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,050	0,057

2.3. Lao động và chính sách đối với người lao động:

2.3.1. Chính sách đào tạo

Nagakawa tiếp tục tập trung vào phát triển và nâng cao năng lực của đội ngũ tư vấn chiến lược, có hiểu biết sâu sắc về ngành nghề, mô hình kinh doanh cùng kiến thức công nghệ để có thể đem đến nhiều hơn nữa giá trị gia tăng cho khách hàng. Hơn nữa, Nagakawa xác định nguồn nhân lực là tài sản lớn nhất của bất kỳ một doanh nghiệp nào và đào tạo nhân viên thông qua các chương trình nâng cao năng lực để đóng góp vào sự phát triển của Công ty. Số lượng CBCNV đến hết năm 2019 là 850 người.

2.3.2. Chính sách đối với người lao động

- Thực hiện theo Nghị định số 157/2018/NĐ-CP ủa Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở Công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các tổ chức khác của Việt Nam có thuê mướn lao động.
- Căn cứ quy định danh mục các địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng.
- Căn cứ các văn bản liên quan.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động làm việc trong doanh nghiệp, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa đăng ký mức lương tối thiểu với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 4.480.000 đồng/tháng/người và Công ty tự xây dựng thang bảng lương áp dụng cho toàn thể CBCNV trong Công ty.

2.4. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

Năm 2019, trong bối cảnh kinh tế và thương mại toàn cầu suy giảm, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng nhanh, đạt trên 7%, cao hơn mức kế hoạch (6,6 - 6,8%), thuộc nhóm các nước có mức tăng trưởng cao nhất trong khu vực và trên thế giới; nâng quy mô GDP lên khoảng 266 tỷ USD, bình quân đạt gần 2.800 USD/người, điều chưa có trong lịch sử nước ta.

Theo đánh giá, năm 2019, Việt Nam không chỉ đạt được tăng trưởng nhanh hàng đầu khu vực cũng như trên thế giới, mà còn duy trì được nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát chỉ 2,79%, mặt bằng lãi suất và tỷ giá luôn duy trì ổn định trong bối cảnh các thị trường tài chính toàn cầu đầy biến động. Cán cân ngân sách tính đến ngày 23/12 là thặng dư, tỷ lệ nợ công giảm từ hơn 64% GDP vài năm trước về còn khoảng 56%.

Năm 2019, Việt Nam thực hiện mở cửa hội nhập một cách mạnh mẽ hơn với Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực và FTA Việt Nam - EU (EVFTA) chính thức được ký kết. Các FTA thế hệ mới này giúp Việt Nam thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với đổi mới và hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Đồng thời, tạo cơ hội cho Việt Nam thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh hơn trong giai đoạn tới.

Đối với ngành điện lạnh – gia dụng, năm 2019 là năm chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành. Hội nhập sâu rộng và toàn diện dẫn đến việc cạnh tranh gay gắt trên thị trường, các hãng điều hòa không khí Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan đua nhau sản xuất và đưa ra thị trường thị trường sản phẩm giá rẻ, làm cho sự cạnh tranh càng trở nên phức tạp và khốc liệt.

2.5. Kế hoạch hoạt động trong năm 2020.

2.5.1. Dự báo thị trường năm 2020:

- Kinh tế thế giới:

- Tại Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), các chuyên gia cảnh báo chủng virus corona mới có thể khiến nền kinh tế toàn cầu thiệt hại khoảng 1.000 tỷ USD trong năm nay.

- Tăng trưởng kinh tế toàn cầu có thể sẽ xuống dưới mức 2.5%, mức được xem là ngưỡng suy thoái với kinh tế thế giới.

- Dịch bệnh khiến giá dầu lao dốc, nợ công tăng dần, các công ty không thể trụ vào thời điểm không kiếm ra khách hàng hoặc thiếu nguyên liệu. Bloomberg Economics dự đoán trong kịch bản xấu nhất, suy thoái sẽ được ghi nhận ở Mỹ, khu vực đồng euro và Nhật Bản, GDP Trung Quốc xuống mức thấp kỷ lục.

- Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) ngày 23/2 đã đánh giá dịch COVID-19 hiện nay có thể đe dọa tới đà phục hồi vốn dĩ mong manh của kinh tế thế giới, cụ thể, COVID-19 có thể khiến tăng trưởng kinh tế thế giới giảm 0,1 điểm phần trăm và kiềm chế tăng trưởng kinh tế Trung Quốc ở mức 5,6% trong năm 2020.

- Gia tăng căng thẳng thương mại và rủi ro suy giảm, suy thoái kinh tế trên diện rộng đã ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động thương mại toàn cầu chung. Chỉ số thương mại hàng hóa toàn cầu của WTO (tháng 2/2020) giảm mạnh xuống chỉ còn 95,5 điểm (so với 96,6 điểm tháng 11/2019).

2.5.1. Dự báo thị trường năm 2020:

- Kinh tế trong nước:

- Trước tác động nặng nề của virus corona, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) cho rằng có khả năng tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt 5,96% trong năm 2020, giảm 0,8 điểm phần trăm so với ước tính trước đó. Standard Chartered cũng hạ dự báo tăng trưởng Việt Nam bớt 0,4 điểm phần trăm trong tuần trước.

- Bộ Kế hoạch Đầu tư cũng chỉ ra, khi hoạt động sản xuất bị ảnh hưởng, lĩnh vực đầu tư - đặc biệt là khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng sẽ bị thương tổn. Các nhà đầu tư có xu hướng dừng tìm kiếm cơ hội đầu tư, các dự án đã đầu tư nhiều khả năng sẽ hoãn lại việc tăng vốn.

2.5.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2020

- Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2019 và dự báo tình hình thị trường năm 2020, Tập đoàn Nagakawa đề xuất kế hoạch kinh doanh năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Doanh thu:	1.100.000.000.000VNĐ
2	Lợi nhuận sau thuế:	15.000.000.000VNĐ

- Nhân sự:

Giữ nguyên cơ cấu, quy mô, tổ chức nhân sự

- Công nghệ:

+ Tiếp tục tập trung phát triển theo hướng lấy sản xuất và kinh doanh sản phẩm điện lạnh – gia dụng làm lĩnh vực chủ lực, đảm bảo sức lan tỏa các sản phẩm đến từng người tiêu dùng.

+ Đầu tư công nghệ & nhân sự để nghiên cứu đưa vào sản xuất đa dạng điều hòa công suất lớn và ĐH trung tâm.

+ Đầu tư kinh doanh sản xuất, phát triển sản phẩm mới.

+ Đảm bảo tăng trưởng thị phần từ 1,5 – 2% năm.

+ Tăng cường triển khai thi công các dự án lắp đặt máy điều hòa trung tâm cho các công trình xây dựng.

3 Quản trị công ty và kế hoạch năm 2020

3.1. Mô hình quản trị Công ty

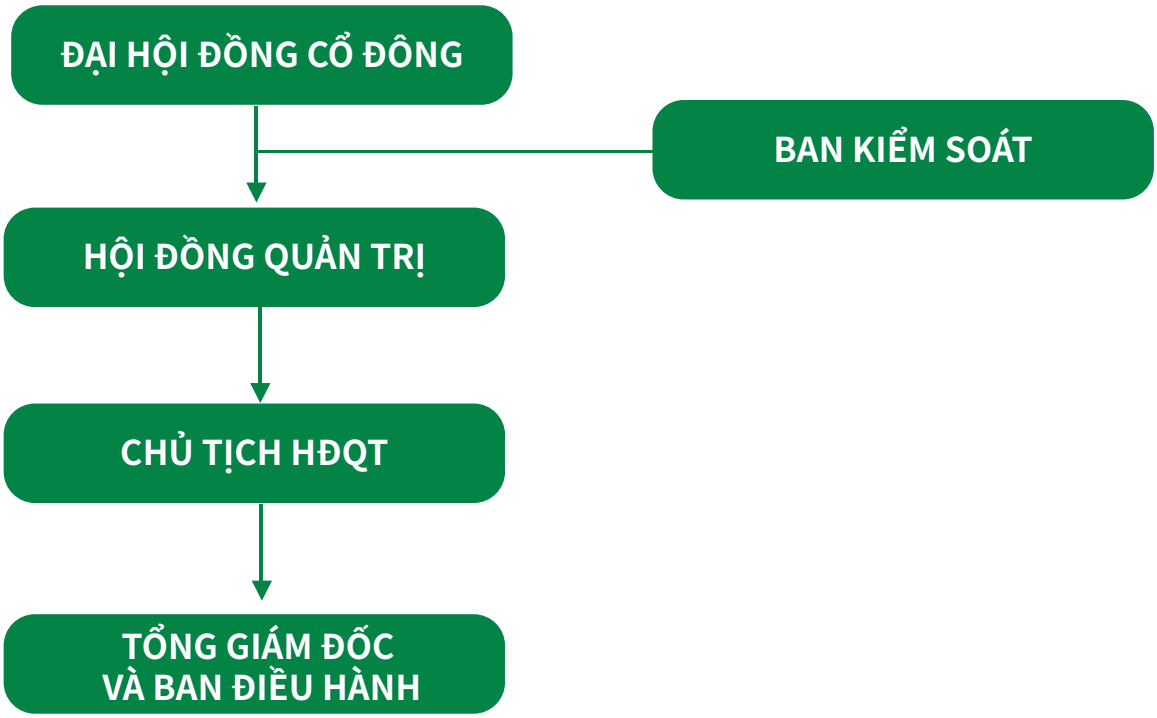

- Đại hội đồng cổ đông: Cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, thực hiện các chức năng, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

- Hội đồng quản trị: Cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có quyền đại diện Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật liên quan.

- Chủ tịch HĐQT: Chịu trách nhiệm điều hành các công tác của HĐQT, xem xét và quyết định các công tác quản trị của Công ty theo quy định tại Điều lệ, các quy chế nội bộ và pháp luật liên quan.

- Tổng giám đốc và Ban điều hành: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và với sự trợ giúp của Ban điều hành mà Tổng giám đốc là người đứng đầu, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở tuân thủ Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

- Ban kiểm soát: Thực hiện giám sát HĐQT, TGĐ trong việc điều hành, quản lý công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3.2. Quản trị công ty năm 2019

- Tập đoàn Nagakawa đã nỗ lực và tuân thủ tất cả các quy định của pháp luật có liên quan đến quản trị công ty nói chung cũng như các quy định quản trị riêng đối với công ty cổ phần đại chúng niêm yết bao gồm:

- Luật Doanh nghiệp 2014;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng với Công ty đại chúng;
- Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ về Quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

3.3. Thông tin và hoạt động của HĐQT

- HĐQT Tập đoàn Nagakawa gồm 05 thành viên, Cơ cấu HĐQT đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành, các thành viên không điều hành và thành viên độc lập. Danh sách các thành viên HĐQT như sau:

STT	Họ tên	Thành viên HĐQT
1	Nguyễn Đức Khả	Điều hành
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	Điều hành
3	Đào Thị Soi	Điều hành
4	Trương Đào Hải Hà	Độc lập
5	Nguyễn Ngọc Quý	Độc lập

- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành: HĐQT thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã cam kết.
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp của HĐQT.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Tập đoàn để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban Điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao.
- Tích cực tham gia vào các buổi họp giao ban sáng thứ hai hàng tuần và các buổi họp định kỳ khác của Ban Điều hành nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

- Số lượng các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đức Khả	CT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21/04/2017	9	100%
2	Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó CT HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 21/04/2017	9	100%
3	Bà Đào Thị Soi	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 21/04/2017	9	100%
4	Ông Nguyễn Ngọc Quý	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 21/04/2017	9	100%
5	Bà Trương Đào Hải Hà	Thành viên HĐQT	Tái bổ nhiệm ngày 21/04/2017	8	89%

3.4. Thông tin và hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022 của Công ty gồm 3 thành viên, cụ thể như sau:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Trưởng BKS	21/04/2017	3	100%
2	Ông Vũ Tiến Thành	Thành viên BKS	21/04/2017	3	100%
3	Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên BKS	21/04/2017	3	100%

- Trong năm tài chính 2019, Ban kiểm soát đã hoạt động tốt với vai trò giám sát và khuyến nghị các thay đổi cần thiết trong công tác điều hành hoạt động của Tập đoàn, tăng cường các biện pháp giám sát, đảm bảo hoạt động tài chính của Tập đoàn rõ ràng và minh bạch, cụ thể như sau:

• Giám sát tình hình tài chính: Ban kiểm soát đã tiến hành xem xét, kiểm tra, giám sát và đánh giá các thông tin trên báo cáo tài chính cũng như các hoạt động tài chính của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đảm bảo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

• Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: Ban kiểm soát luôn theo dõi chặt chẽ, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán.

• Ban kiểm soát đã giám sát việc thực hiện trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

3.5. Quản trị rủi ro

3.5.1. Nguyên tắc quản trị rủi ro

- Hoạt động quản trị rủi ro là một phần không thể thiếu và không tách rời với mọi quá trình tác nghiệp trong Tập đoàn. Hàng năm Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng và phê duyệt khung quản lý rủi ro chung cho toàn Tập đoàn. Hoạt động quản trị rủi ro được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa các tuyến quản trị, các vấn đề cần kiểm soát liên quan đến tuân thủ, chuẩn mực, quy trình và các quy định pháp luật. Ngoài ra, hoạt động này còn được thực hiện với sự phối hợp tốt giữa Tập đoàn và các đơn vị thành viên trên cơ sở các cuộc họp.

- Nagakawa cũng xây dựng bộ máy về kiểm soát nội bộ tại Tập đoàn và phối hợp với các đơn vị thành viên để kiểm soát các rủi ro tuân thủ trong toàn hệ thống.

3.5.2. Các rủi ro chính và biện pháp quản trị

3.5.2.1. Rủi ro về chiến lược

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn	Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn thường dẫn tới việc xác định sai đường hướng phát triển, từ đó đầu tư phân bổ nguồn lực không hợp lý, không phát triển được những mảng kinh doanh mới tiềm năng, hoặc không đưa ra được các sản phẩm/ dịch vụ mới có hàm lượng công nghệ cao đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường.	Tham gia các sự kiện kinh tế như: Diễn đàn cấp cao về công nghiệp 4.0, Diễn đàn Kinh tế Việt Nam,…để nắm bắt các xu hướng mới, tìm kiếm cơ hội phát triển cho Tập đoàn.
Rủi ro suy giảm năng lực cạnh tranh	Rủi ro suy giảm năng lực cạnh tranh so với đối thủ, không nắm bắt đúng yêu cầu và xu thế của thị trường.	Đưa ra các dịch vụ tổng thể về chất lượng và đáp ứng toàn diện nhu cầu khách hàng.

3.5.2.2. Rủi ro hoạt động

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro về công bố thông tin	Không đúng thời hạn, không đầy đủ, chính xác.	- Cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến công bố thông tin đối với công ty niêm yết. - Xây dựng quy trình nội bộ về cung cấp và công bố thông tin nhằm đảm bảo các thông tin hoạt động, thông tin tài chính được báo cáo chính xác, kịp thời, đúng thời hạn. - Thường xuyên trao đổi với đại diện phụ trách công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM để kiểm tra tính đầy đủ và chính xác của các thông tin cần công bố.
Rủi ro về nguồn nhân lực	Rủi ro về nguồn nhân lực liên quan đến cạnh tranh thu hút nhân sự; số lượng, chất lượng không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng.	-Xây dựng chính sách, cơ chế đãi ngộ phù hợp để giữ và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh doanh.

Rủi ro về thương hiệu	Danh tiếng xấu có ảnh hưởng lớn đối với các doanh nghiệp – từ hình ảnh thương hiệu đến các hiệu ứng tiền tệ.	- Xây dựng quy trình truyền thông và xử lý khủng hoảng truyền thông. - Xây dựng Quy định phát ngôn, chia sẻ và cung cấp thông tin trên các phương tiện truyền thông. - Giám sát, theo dõi các thông tin về Tập đoàn trên các phương tiện truyền thông, mạng xã hội hàng ngày, hàng giờ để có phương án xử lý
Rủi ro bảo mật thông tin	Những rủi ro đối với các thông tin như bị lộ, bị thay đổi, bị mất mát sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, đến uy tín, đến chiến lược của tổ chức, doanh nghiệp	- Áp dụng triệt để các biện pháp chống thất thoát dữ liệu và an toàn hệ thống nhằm đảm bảo an ninh thông tin của Tập đoàn. - Gán trách nhiệm an toàn thông tin với các thành viên tổ chức nhằm tránh vi phạm an toàn thông tin dẫn tới hậu quả nghiêm trọng

3.5.2.3. Rủi ro tài chính

Tên rủi ro	Nội dung	Biện pháp quản trị
Rủi ro tỷ giá	- Tỷ giá biến động lớn ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty	- Theo dõi sát biến động của các nhân tố chính có tác động lên tỷ giá. - Áp dụng các biện pháp bảo hiểm tỷ giá phù hợp. - Áp dụng chính sách bán hàng linh hoạt dựa trên biến động tỷ giá.
Rủi ro kinh doanh khác	Rủi ro kinh doanh thông thường như nợ xấu mất kiểm soát, hàng tồn tăng cao.	- Xây dựng các quy trình về Bán hàng, Mua hàng, Triển khai Hợp đồng … nhằm đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh. - Xây dựng chính sách kiểm soát công nợ khách hàng, xây dựng chính sách quản lý tồn kho. - Phân tích, kiểm soát chặt chẽ ngay từ khâu lượng hóa nhu cầu để nhập hàng

4 | Quan hệ nhà đầu tư

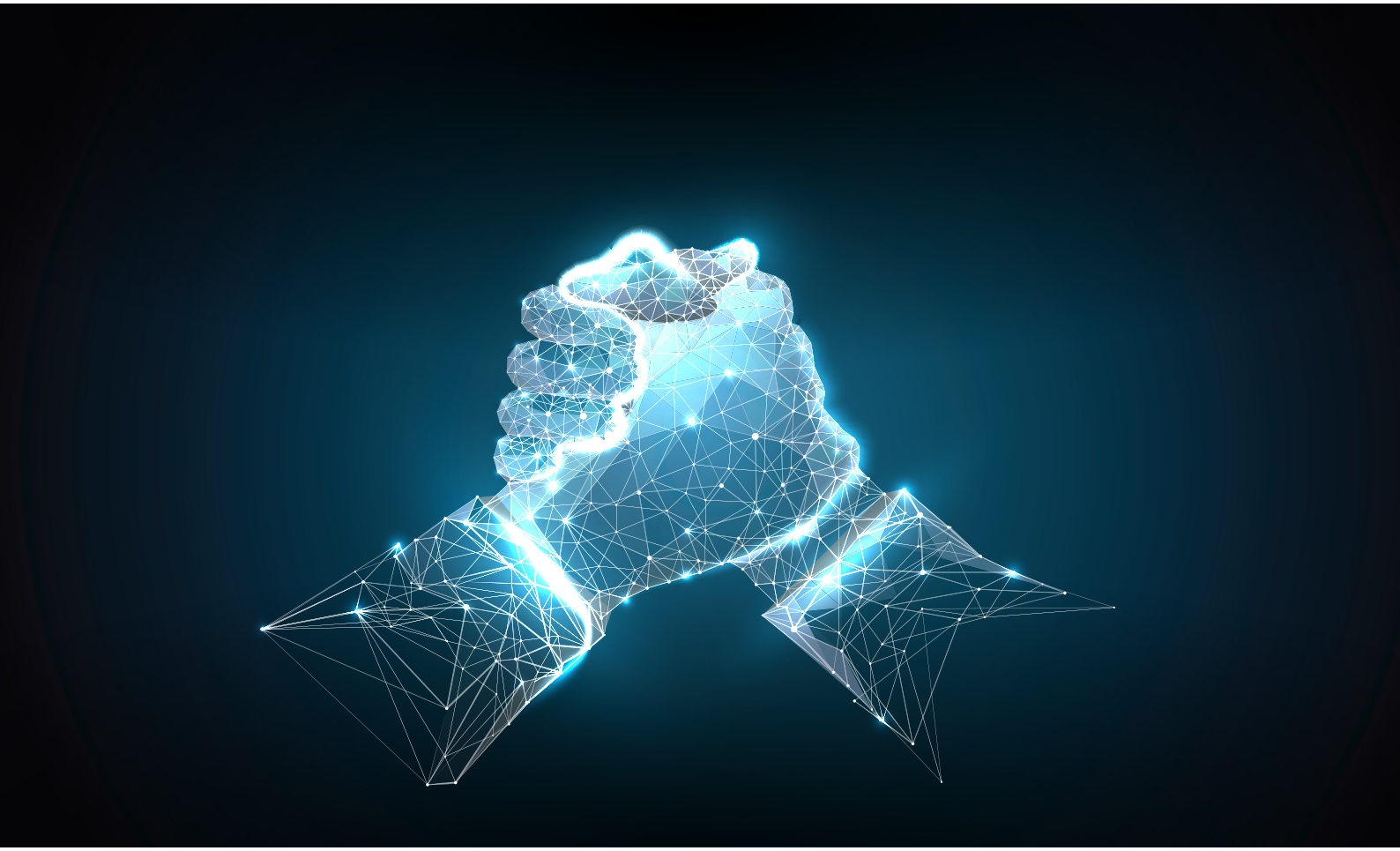

4.1. Cơ cấu cổ đông

Cổ phiếu phổ thông	15.888.358 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	02 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	15.888.360 cổ phiếu
Cổ đông nước ngoài	16 người/tổ chức
Cổ đông trong nước	1.061 người/tổ chức

4.2. Phát hành thêm cổ phiếu

- Trong năm 2019, Nagakawa đã phát hành thêm 1.039.058 cổ phiếu do Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019.

4.3. Các hoạt động khác

- Tiếp nối chuỗi hoạt động hiệu quả từ các năm trước, năm 2019, bộ phận Quan hệ cổ đông vẫn tiếp tục mang tới nhà đầu tư một hình ảnh Nagakawa chuyên nghiệp, hiệu quả, minh bạch và đầy tính thuyết phục.

- Một số hoạt động tiêu biểu trong năm 2019:

+ Tuân thủ các quy định về công bố thông tin, đảm bảo công bố thông tin kịp thời, đúng hạn;

+ Công bố kết quả kinh doanh hàng tháng tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các phương tiện thông tin đại chúng;

+ Duy trì cập nhật tin tức về hoạt động kinh doanh của công ty qua các bản tin hàng tháng và các buổi công bố kết quả kinh doanh hàng quý tới Nhà đầu tư;

+ Mục Quan hệ cổ đông trên trang chủ của Tập đoàn luôn đảm bảo cung cấp các thông tin mới nhất, chính xác nhất tới Nhà đầu tư;

5 Báo cáo phát triển bền vững

agakawa
BỀN
Sẻ chia là gắn
awa
VÌ SỨC KHỎE

Đối với người lao động

Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong ngành điện lạnh, gia dụng, dệt may, Nagakawa luôn chú trọng quan tâm xây dựng doanh nghiệp theo hướng ổn định, bền vững, mang lại sự hài lòng cao nhất cho cổ đông, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn cho người lao động, đảm bảo hài hòa lợi ích cho các bên liên quan và đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng.

Năm 2019, Nagakawa tiếp tục triển khai và phát triển các chính sách, giải pháp nhằm đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn phát triển bền vững hiện nay. Nagakawa hi vọng sẽ góp 1 phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
I	**Theo trình độ lao động**	**330**	**100%**
1	Thạc sỹ	**25**	
2	Đại học	**230**	
3	Cao đẳng	**45**	
4	Khác	**30**	
II	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**330**	**100%**
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	**65**	
2	Hợp đồng xác định thời hạn	**265**	

- Thúc đẩy phương thức đào tạo mới tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người, đảm bảo nguồn nhân lực có kỹ năng và trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc.

- Với phương châm nhân sự là giá trị cốt lõi trong hoạt động của Công ty, vì vậy Công ty luôn chú trọng xây dựng các chính sách nhân sự hợp lý cũng như môi trường làm việc để mang lại những giá trị toàn diện cho đội ngũ cán bộ công nhân viên

Đối với người lao động

- Nagakawa luôn luôn chú trọng đến chính sách đãi ngộ, quan tâm đến đời sống của CBNV. Chính sách đãi ngộ của Nagakawa được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí:

+ Tương xứng với kết quả công việc, giá trị đóng góp cho Nagakawa;

+ Cạnh tranh theo thị trường;

+ Khuyến khích tăng kết quả và chất lượng công việc;

+ Công bằng và minh bạch.

- Môi trường làm việc: Tập đoàn Nagakawa luôn tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập, sáng tạo của nhân viên đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

- Các chính sách khen thưởng, đãi ngộ cho CBCNV được Tập đoàn Nagakawa xây dựng trên cơ sở công bằng, minh bạch và tương xứng với năng lực, kết quả công việc. Chính sách được áp dụng xứng đáng, kịp thời; hệ thống đãi ngộ gồm:

+ Lương cơ bản (12 tháng)

+ Lương tháng thứ 13 được chi trả vào dịp Tết Nguyên đán

+ Các phụ cấp: điện thoại, ăn trưa, công tác phí, kiêm nhiệm,...

+ Phúc lợi xã hội: bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp.

- Thúc đẩy phương thức đào tạo mới tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người, đảm bảo nguồn nhân lực có kỹ năng và trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc.

- Bên cạnh đó, tập đoàn thường xuyên tổ chức các hoạt động thúc đẩy gắn kết CBNV với Tập đoàn, nâng cao đời sống tinh thần của CBNV đồng thời thông qua đó, lưu giữ và duy trì các nét văn hóa doanh nghiệp riêng có của Tập đoàn: Các sự kiện văn hóa, thể thao: Ngày thành lập Công ty (22/08), Ngày hướng về Cội nguồn (10/03 âm lịch), ngày Quốc tế Phụ nữ (08/03), Giải chạy vì sức khỏe,….

- Chính sách tuyển dụng: Công ty luôn đề cao năng lực của người lao động cũng như tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc.

Đối với cộng đồng – xã hội

+ Nâng cao tính công khai – minh bạch trong việc công bố thông tin trên thị trường.

+ Tập đoàn Nagakawa luôn đồng hành và tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, các chương trình thiện nguyện.

+ Liên tục nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp và quản lý sản xuất là phương thức hiệu quả nhất đảm bảo sự hài lòng của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh và đem lại lợi ích bền vững cho các bên liên quan

Đối với môi trường

+ Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng, tài nguyên có thể tái chế và các vật liệu tiết kiệm năng lượng.

+ Áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình quản trị tiên tiến trong hoạt động của Tập đoàn và hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

+ Tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng của CBNV, bảo vệ môi trường chống biến đổi khí hậu.

+ Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về môi trường

+ Sử dụng, kiểm soát tốt hơn việc tiêu thụ năng lượng, nước trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh; theo dõi việc tiêu thụ điện, nước, xăng dầu định kỳ hàng tháng.

6 Báo cáo tài chính

6 Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán và xác nhận: "Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nagakawa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất"

6.1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**583,479,470,624**	**554,916,595,120**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	11,640,206,650	18,783,920,699
1. Tiền	111	11,640,206,650	18,783,920,699
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	38,384,000,000	39,982,597,297
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	38,384,000,000	39,982,597,297
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	222,274,388,930	199,524,834,499
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	168,359,181,643	149,054,269,759
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	43,566,308,955	31,973,077,753
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12,000,000,000	16,600,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	1,440,806,699	4,989,395,354
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(3,091,908,367)	(3,091,908,367)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	
IV. Hàng tồn kho	140	304,133,811,423	285,849,637,349
1. Hàng tồn kho	141	308,929,354,939	287,141,997,965
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(4,795,543,516)	(1,292,360,616)

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	7,047,063,621	10,775,605,276
1. Chi phi trả trước ngắn hạn	151	2,508,812,586	3,356,360,774
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	4,425,614,402	7,240,666,086
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	112,636,633	178,578,416
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**55,833,000,810**	**58,884,516,235**
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	1,013,847,599	790,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	212	-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	213	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	214	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	215	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	216	1,013,847,599	790,000,000
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	28,462,016,925	29,147,155,663
1. Tài sản cố định hữu hình	221	23,232,669,125	24,117,993,212
- Nguyên giá	222	109,190,876,488	105,155,384,670
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(85,958,207,363)	(81,037,391,458)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5,229,347,800	5,029,162,451
- Nguyên giá	228	5,564,508,519	5,259,508,519
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(335,160,719)	(230,346,068)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	70,000,000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	70,000,000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	22,525,491,607	25,520,188,958
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17,525,491,607	20,520,188,958
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5,000,000,000	5,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	3,761,644,679	3,427,171,614
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2,195,717,537	1,950,796,233
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1,565,927,142	1,476,375,381
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
VII. Lợi thế thương mại	269	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**	**639,312,471,434**	**613,801,111,355**
NGUỒN VỐN			
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**426,519,813,155**	**413,049,978,995**
I. Nợ ngắn hạn	310	426,066,213,155	412,094,290,109
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	58,297,010,376	41,125,181,441
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	8,391,488,141	21,710,023,117
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	13,352,051,624	9,660,941,892
4. Phải trả người lao động	314	3,225,080,743	2,282,309,788
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	9,588,627,241	2,895,382,948
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	121,528,273
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	534,134,476	719,007,960

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	327,123,025,437	329,825,477,203
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5,405,816,086	3,545,822,488
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	148,979,031	208,614,999
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
II. Nợ dài hạn	330	453,600,000	955,688,886
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	453,600,000	955,688,886
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343	-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**212,792,658,279**	**200,751,132,360**
I. Vốn chủ sở hữu	410	212,792,658,279	200,751,132,360
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	158,886,360,000	148,495,780,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	158,886,360,000	148,495,780,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5,672,110,000	5,672,110,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(20,000)	(20,000)

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	5,313,907,820	5,313,907,820
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	25,449,629,716	21,398,868,482
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	11,008,288,482	20,099,933,345
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	14,441,341,234	1,298,935,137
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	17,470,670,743	19,870,486,058
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**	**639,312,471,434**	**613,801,111,355**

6.2. Bảng kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1,041,209,555,889	329,825,477,203
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20,162,609,018	3,545,822,488
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1,021,046,946,871	762,373,818,309
4. Giá vốn hàng bán	11	884,165,331,736	623,435,656,550
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	136,881,615,135	138,938,161,759
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5,684,990,694	3,702,408,177
7. Chi phí tài chính	22	26,793,639,754	23,879,440,043
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	26,145,971,249	22,534,630,839
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1,153,638,941	1,745,784,446
9. Chi phí bán hàng	24	80,908,160,646	86,847,528,340
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21,535,121,202	20,796,778,144
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	14,483,323,168	12,862,607,855
12. Thu nhập khác	31	4,314,849,832	2,457,075,130
13. Chi phí khác	32	2,935,802,760	1,414,712,081
14. Lợi nhuận khác	40	1,379,047,072	1,042,363,049
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	15,862,370,240	13,904,970,904
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3,910,396,081	4,848,662,532
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(89,551,760)	(1,065,493,680)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	12,041,525,919	10,121,802,052
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	14,441,341,234	10,748,411,727
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	(2,399,815,315)	(626,609,675)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	909	676
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	909	676

6.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1. Lợi nhuận trước thuế		15,862,370,240	13,904,970,904
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		
- Khấu hao TSCĐ	03	5,358,760,556	5,043,882,233
- Các khoản dự phòng	04	5,363,176,498	2,320,595,910
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	18,164,223	574,575,082
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06	(5,158,841,666)	(3,555,132,537)
- Chi phí lãi vay	07	26,145,971,249	22,534,630,839
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	47,589,601,100	40,823,522,431
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7,873,152,345)	(56,270,119,118)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(21,787,356,974)	(126,239,761,088)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	13,760,219,203	57,496,894,813
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	532,626,884	(2,564,693,847)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(26,689,867,969)	(21,339,608,177)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3,096,799,440)	(1,318,883,024)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(59,635,968)	(153,508,669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2,375,634,491	(109,566,156,679)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(21,747,817,500)	(6,498,425,546)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	10,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(81,317,535,535)	(115,854,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	87,516,132,832	57,304,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4,103,600,000	-

6.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối năm (Năm trước)
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5,093,128,980	2,870,911,038
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(6,342,491,223)**	**(62,177,514,508)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	820,150,573,123	766,561,398,147
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(823,355,113,775)	(580,543,743,945)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7,471,750)	(7,326,148,075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(3,212,012,402)**	**178,691,506,127**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(7,178,869,134)**	**6,947,834,940**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	18,783,920,699	11,835,973,518
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	35,155,085	112,241

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA

Điều hòa không khí

NAGAKAWA

ỐNG ĐỒNG NGUYÊN CHẤT RÃNH XOẮN

R32

SWING 3D-AUTO

BỀN

Sẻ chia là gắn kết

Nagakawa®

NHÀ MÁY NAGAKAWA
Đc: Khu 9 P. Phúc Thắng, TP Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc, Việt Nam
ĐT: 0211 3873 568
Fax: 0211 3530 265

CÔNG TY CP ĐIỆN TỬ NAGAKAWA
Đc: Tầng 2 toà nhà 96A Định Công, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
ĐT: 024 3215 1329
Fax: 024 3215 1324

NAGAKAWA ĐÀ NẴNG
Đc: Số 94 đường Nam Trân, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
ĐT:0236 3649 880
Fax: 0236 3649 881

NAGAKAWA HỒ CHÍ MINH
Đc: 25 Đoàn Thị Điểm, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 0283 9901 602
Fax: 0283 3990 1605

TRUNG TÂM TƯ VẤN & CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
Đc: Tầng 2 toà nhà 96A Định Công, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
ĐT: 024 3215 1325
Fax: 024 3215 1329

TMĐT - MUA HÀNG TRỰC TUYẾN
Đc: Tầng 2 toà nhà 96A Định Công, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
ĐT: 1900.56.56.96
Fax: 0243.215.1327

HOT LINE

1900 54 54 89 — www.nagakawa.com.vn

1900 56 56 96 — shop.nagakawa.com.vn